

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Hiện

2. Ông Lê Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre tham gia phiên
tòa:** Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công KH vụ án dân sự thụ lý số: 463/2023/TLST-DS ngày 27/10/2023 về: “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi + vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2024/QĐST-DS ngày 27/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị D, sinh năm 1953. Nơi cư trú: số 23/4, ấp ANB, xã AT, huyện P tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Đoàn Thị D là bà Đặng Huỳnh N, sinh năm 1996. Nơi cư trú: số 78/6, ấp A NB, xã A T, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 và Bà Lê Thị C, sinh năm 1957. Cùng cư trú: số nhà 4/5, ấp A NA, xã An T, huyện h P, tỉnh Bến Tre. (cùng vắng mặt)

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1984. Nơi cư trú: số 150/5, ấp A N B, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.(vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1980. Đăng ký thường trú: số 155/4, ấp AN A, xã A T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Nơi ở hiện nay: k3, thị trấn Đ A, huyện T C, tỉnh T V.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 28/8/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Đoàn Thị D là bà Đặng Huỳnh N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Đoàn Thị D có chơi hụi với bà Lê Thị C, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé H. Bà D là đầu thảo và bà C, ông T, ông N, bà H là hụi viên. Dây hụi cụ thể là:

Ngày 25/01/2020 (âm lịch) bà D có mở dây hụi 3.000.000 đồng với 24 người tham gia (tức 24 tháng) hụi đóng theo kỳ hàng tháng vào ngày mùng 5 âm lịch, bà C, ông T tham gia 2 phần. Đến ngày 24/4/2020 âm lịch tức ngày 25/6/2020 dương lịch bà C, ông T, ông N, bà H khai hụi và được hốt. Ngày mùng 5 tháng 5 năm 2020 âm lịch bà D giao số tiền 144.000.000 đồng bà C, ông T, ông N, bà H có đồng ý và nhận đủ. Bà C, ông T, ông N, bà H còn đóng lại 18 tháng hụi chết (hụi 2 phần trị giá 3.000.000 đồng/phần) cho bà D. Ngày 24/8/2021 bà C, ông T, ông N, bà H ký tên và chốt số nợ tiền hụi cho bà D là 84.000.000 đồng và tiền mượn bà D thêm là 31.200.000 đồng nhưng vào ngày 13/6/2022 bà C đã trả được 10.000.000 đồng của tiền mượn.

Nay bà D yêu cầu Toà án xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé H có trách nhiệm liên đới trả cho bà D số tiền 84.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất số tiền trên tính từ ngày 24/8/2021 đến ngày 16/9/2024 tạm tính là 36 tháng 22 ngày với lãi suất 20%/12 tháng (105.200.000 đồng x 20%/12 tháng x 36 tháng 22 ngày) = 51.520.000 đồng.

Tiền vay 21.200.000 và yêu cầu tính lãi phát sinh (lãi suất 20%/12 tháng) từ ngày 13/6/2022 đến 16/9/2024 là 27 tháng (tính tròn) với số tiền 9.600.000 đồng

Tổng số tiền bà D yêu cầu Toà án xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị C, ông Nguyễn Văn Non, bà Nguyễn Thị Bé H có trách nhiệm liên đới trả cho bà D là 166.320.000 (Một trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm H mươi nghìn) đồng.

Chứng cứ bà D cung cấp là Bản chính giấy ghi nợ không có tiêu đề có bắt đầu bằng “6 T hốt hụi ngày 25 tháng 5 năm 2020” kết thúc bằng “31 triệu H trăm ngàn 6 T” do bà Nguyễn Thị Bé H là con của bà C viết và xác nhận nợ.

Tại phiên toà bị đơn bà Lê Thị C vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng bà C trình bày:

Do thời gian quá lâu và hiện nay bà C không còn giấy tờ nên bà đồng ý với thời gian do bà D nêu trong đơn khởi kiện là vào ngày 25/01/2020 (âm lịch) hụi đóng theo hàng tháng vào ngày mùng 5 âm lịch, bà tham gia chơi 02 phần (do bà D làm chủ hụi). Đến ngày 24/4/2020 âm lịch tức ngày 25/6/2020 dương lịch bà khai hụi và được hốt, ngày mùng 5 tháng 5 năm 2020 âm lịch bà D giao tiền hụi đã hốt cho bà là 144.000.000 đồng. Như vậy bà còn phải đóng hụi chết là 18 tháng (hụi 02 phần đóng mỗi tháng là 6.000.000 đồng). Sau khi hốt hụi thì bà thừa nhận bà nhờ con của bà là Non, Bé H đến đóng hụi đầy đủ cho bà D rồi nên nay bà khẳng định bà không còn nợ tiền hụi, tiền lời gì của bà D nữa.

Còn việc tham gia chơi hụi với bà D là do bà trực tiếp tham gia chứ ông T (chồng bà) và N, Bé H (con bà) không có tham gia chơi hụi với bà D.

Giấy nhận nợ do bà D cung cấp tại tòa và bà D cho rằng con của bà là Nguyễn Thị Bé H ký nhận nợ với số tiền 115.000.000 đồng thì bà hoàn toàn không biết, bà cam kết thông báo cho Bé H đến Tòa án trình bày ý kiến giấy nhận nợ này.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Non, bà Nguyễn Thị Bé H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ H để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không có bản KH với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng D sự.

Việc tuân theo pháp luật của của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng D sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Non, bà Nguyễn Thị Bé H chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 BLTTDS năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 217 BLTTDS, Điều 471 BLDS, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định 19/1019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 quy định về hộ, hộ, biểu, phường, Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP quy định về hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội "Về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình" chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đoàn Thị D buộc ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị C liên đới trả cho bà D số tiền 84.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày Tòa án thụ lý đến ngày 16/9/2024 với lãi suất 0,83%/tháng. Bác yêu cầu đối với số tiền 21.200.000 đồng. Bác yêu cầu buộc ông N và bà Bé H liên đới thanh toán tiền hộ và vay cho bà D. Đình chỉ yêu cầu đối với số tiền vay 10.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay từ ngày 25/6/2020 đến ngày 12/6/2022 với lãi suất 20%/12 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Đoàn Thị D tranh chấp hợp đồng góp hộ, vay tài sản với bị đơn bà Lê Thị C, ông Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng D sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng D sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân D huyện Thạnh Phú.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé H vắng mặt tại phiên tòa

lần thứ H không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng D sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn bà Đoàn Thị D với bị đơn bà Lê Thị C được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả H đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi D sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại các Điều 471 Bộ luật D sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án thì bà Lê Thị C thừa nhận bà có tham gia chơi 02 phần (do bà D làm chủ hụi). Đến ngày 24/4/2020 âm lịch tức ngày 25/6/2020 dương lịch bà khai hụi và được hốt, ngày mùng 5 tháng 5 năm 2020 âm lịch bà D giao tiền hụi đã hốt cho bà là 144.000.000 đồng. Như vậy bà còn phải đóng hụi chết là 18 tháng (hụi 02 phần đóng mỗi tháng là 6.000.000 đồng) với số tiền là 108.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà C cho rằng đã đóng hụi đầy đủ cho bà D rồi nhưng bà không có chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, bà D thừa nhận trong đơn khởi kiện rằng tiền nợ hụi chỉ còn 84.000.000 đồng. Điều đó cho thấy phía bà C đã trả được cho bà D một phần tiền hụi là 24.000.000 đồng và còn nợ lại 84.000.000 đồng.

Còn về khoản tiền vay 21.200.000 đồng bà D yêu cầu phía ông T, bà C, ông Non, bà Bé H phải liên đới trả nợ gốc và lãi chậm trả cho bà và bà có cung cấp Bản chính tờ giấy không có tiêu đề có bắt đầu bằng “6 T hốt hụi ngày 25 tháng 5 năm 2020” kết thúc bằng “31 triệu H trăm ngàn 6 T” nhưng không chứng minh được phía ông T, bà C, ông N, bà Bé H có nợ của bà D số tiền này nên không được Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận.

Việc bị đơn chậm trả nợ gốc làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên bà D yêu cầu tính lãi chậm trả là phù hợp nhưng thời điểm tính lãi cần được tính từ ngày Tòa án thụ lý giải quyết vụ án (27/10/2023) và mức lãi suất là 0,83%/tháng mới phù hợp theo quy định của pháp luật do các bên không thỏa thuận thời hạn trả tiền hụi và mức lãi suất.

Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị C không có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thuận nhưng ông/bà đã sống chung với nhau như vợ chồng từ khoảng năm 1978 đến nay (Theo xác nhận của UBND xã A T – bút lục 49) nên theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình được pháp luật thừa nhận là hôn nhân thực tế (vợ chồng hợp pháp). Do đó ông C phải có trách nhiệm liên đới với bà T để trả cho bà D số tiền nợ hụi và lãi chậm trả.

Việc bà D cho rằng ông Nguyễn Văn Non, bà Nguyễn Thị Bé H có tham gia chơi hụi của bà và có yêu cầu trách nhiệm liên đới chung với bà C, ông T để trả tiền hụi và tiền vay cho bà nhưng bà không có chứng cứ chứng minh nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà D về số tiền vay 10.000.000 và lãi suất tính từ ngày 13/6/2022 đến ngày 16/9/2024.

[6] Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị D là có căn cứ một phần phù hợp với quy định tại các Điều 471 Bộ luật D sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị D. Buộc bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà D tổng số tiền

hui gốc 84.000.000 đồng và lãi (nợ gốc 84.000.000 đồng x mức lãi 0,83%/tháng x (10 tháng 19 ngày lãi)) là: 91.413.560 đồng.

[7] Về án phí: Bà D, ông T, bà C là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng D sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 các Điều 92, 147, 217, 227, khoản 2 Điều 244 Điều 273 Bộ luật tố tụng D sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật D sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hui, biểu, phường;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị D. Buộc bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà D số tiền 91.413.560 (Chín mươi một triệu, bốn trăm mười ba nghìn, năm trăm sáu mươi) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật D sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D về việc buộc bà C, ông T, ông N, bà Bé H phải liên đới trả số tiền 74.906.440 đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà D về số tiền vay 10.000.000 và lãi suất tính từ ngày 13/6/2022 đến ngày 16/9/2024.

4. Về án phí D sự sơ thẩm: Bà D, ông T, bà C là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng D sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án D sự thì người được Thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết